



BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC



TÀI LIỆU

DỰ ÁN HỢP TÁC "GIÁO DỤC NHẬN THỨC PHÁP LUẬT
TẠI CÁC VÙNG BIÊN GIỚI NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" GIAI ĐOẠN 3 (LASRAI III)

**BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA**

**BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN
VIỆT NAM - TRUNG QUỐC**

**Dự án được sự trợ giúp của Bộ Di trú
và Quốc tịch Ôxtrâylia**

MỤC LỤC

	Trang
LỜI MỞ ĐẦU	5
A. GIỚI THIỆU VỀ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC	7
I. Khái lược về điều kiện tự nhiên.....	7
1. Vị trí địa lý	7
2. Địa hình.....	8
3. Sông suối.....	9
4. Tài nguyên thiên nhiên.....	9
II. Cơ sở hạ tầng và dân cư	10
1. Cơ sở hạ tầng.....	10
2. Dân cư	10
B. LỊCH SỬ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC	11
I. Công ước Pháp - Thanh 1887 và 1895	11
II. Đường biên giới Việt - Trung thời kỳ 1945 đến trước khi hai nước ký Hiệp ước biên giới trên đất liền 1999.....	13
III. Hiệp ước năm 1999 - cơ sở pháp lý của công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc	14
1. Kết quả đàm phán.....	15
2. Ý nghĩa của Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc 1999	16
C. QUÁ TRÌNH PHÂN GIỚI CẮM MỐC TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC	18
I. Các giai đoạn phân giới, cắm mốc.....	19
1. Giai đoạn chuẩn bị	19
2. Giai đoạn triển khai	19
II. Kết quả phân giới, cắm mốc.....	21
III. Kết quả giải quyết một số khu vực trọng điểm	22
1. Khu vực cửa khẩu	22
2. Khu vực dân cư	22
3. Khu vực Thác Bản Giốc và Cửa sông Bắc Luân	23

IV. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phân giới cắm mốc.....	26
1. Thuận lợi	26
2. Khó khăn	27
V. Ý nghĩa của việc hoàn thành công tác phân giới cắm mốc.....	28
D. QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT CÁC VĂN KIỆN SAU PHÂN GIỚI CẮM MỐC	30
I. Ngay sau khi hoàn thành phân giới cắm mốc, từ đầu năm 2009 Việt Nam và Trung Quốc đã tiến hành đàm phán 3 văn kiện.....	30
II. Một số nét về 3 văn kiện liên quan đến biên giới đất liền Việt Nam – Trung Quốc.....	31
1. Nghị định thư phân giới cắm mốc.....	31
2. Hiệp định về quy chế quản lý biên giới	32
3. Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu.....	33
E. QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC HIỆN NAY....	334
I. Quan hệ chính trị	34
II. Quan hệ kinh tế thương mại	37
1. Về thương mại.....	37
2. Về hợp tác đầu tư	38
III. Quan hệ hợp tác giáo dục, văn hóa, thể thao và du lịch.....	39

LỜI MỞ ĐẦU

Đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc dài 1449,566 km, tiếp giáp giữa 7 tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh của Việt Nam với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc lần đầu tiên được pháp lý hoá bằng hai Công ước Pháp - Thanh 1887 và 1895. Tuy nhiên việc hoạch định biên giới giữa Pháp và Nhà Thanh được xúc tiến hơn 100 năm trước với phương tiện và điều kiện hạn chế lúc đó nên lời văn và bản đồ không được đầy đủ, rõ ràng, chính xác. Ngay sau khi chấm dứt chiến tranh, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã chú trọng ngay vào công tác hoạch định lại đường biên giới. Sau nhiều năm kiên trì đàm phán, ngày 30/12/1999, tại Hà Nội, hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã ký Hiệp ước biên giới trên đất liền. Tiếp đó, hai bên đã tiến hành công tác phân giới cắm mốc trên thực địa. Đến 31/12/2008, công tác này đã được hoàn thành đúng theo thời hạn mà Lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước đề ra. Từ đầu năm 2009 Việt Nam và Trung Quốc tiếp tục tiến hành đàm phán 3 văn kiện: Nghị định thư phân giới cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền và Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Với sự nỗ lực chung của hai bên, ngày 18/11/2009, tại Bắc Kinh, hai bên đã chính thức ký 3 văn kiện nêu trên. Ba văn kiện này cùng với Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc 1999 là bộ hồ sơ hoàn chỉnh nhất về đường biên giới trên đất liền Việt - Trung. Giờ đây, đường biên giới trên đất liền giữa hai nước đã được xác định rõ ràng, chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý đường biên, mốc giới giữa hai nước.

Với mục đích trang bị cho những người làm công tác biên giới và nhân dân khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc những kiến thức tổng thể, toàn diện, có hệ thống và chính xác về biên giới hai nước, Ủy ban Biên giới quốc gia - Bộ Ngoại

giao đã biên soạn bộ tài liệu **“Biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc”**.

Nội dung bộ tài liệu gồm 5 phần chính sau đây:

i) Giới thiệu về đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc

ii) Lịch sử đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc

iii) Quá trình phân giới cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc

iv) Quá trình đàm phán, ký kết các văn kiện sau phân giới, cắm mốc

v) Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc hiện nay

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc./.

A. GIỚI THIỆU VỀ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC



Bản đồ hành chính biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc

I. Khái lược về điều kiện tự nhiên

1. Vị trí địa lý

Đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc dài 1449,566 km, tiếp giáp giữa 7 tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và Quảng Ninh của Việt Nam với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây của Trung Quốc.

Phía Việt Nam có 33 huyện, thị xã, thành phố biên giới, trong đó tỉnh Điện Biên có 01 huyện Mường Nhé; tỉnh Lai Châu có 03 huyện: Mường Tè, Phong Thổ, Sin Hồ; tỉnh Lào Cai có 05 huyện, thành phố: Si Ma Cai, Mường Khương, Bảo Thắng, Bát Xát và thành phố Lào Cai; tỉnh Hà Giang có 07 huyện: Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh; Quản Bạ, Vị Xuyên, Hoàng Su Phì và Xín Mần; tỉnh Cao Bằng có 09 huyện: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Thông Nông, Hà Quảng, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hà, Thạch An; tỉnh Lạng Sơn có 05 huyện: Tràng Định, Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình, Đình Lập; tỉnh Quảng Ninh có 03 huyện, thị: Quảng Hà, Bình Liêu và thành phố Móng Cái.

Phía Trung Quốc có 15 huyện biên giới: tỉnh Vân Nam có 08 huyện: Phú Linh, Ma Ly Pho, Mã Quan, Hà Khẩu, Bình Biên, Kim Bình, Lục Xuân, Giang Thành; Khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây có 07 huyện: Phòng Thành, Ninh Minh, Bằng Tường, Long Châu, Đại Tân, Nà Po và Trịnh Tây.

2. Địa hình

Địa hình khu vực biên giới có cấu trúc tương đối phức tạp, độ chia cắt lớn, thấp dần từ Tây sang Đông. Nếu đi theo hướng từ Tây sang Đông, ta sẽ gặp:

Đoạn biên giới thuộc tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu chạy theo đường phân thủy giữa hai nước, phần lớn có độ cao trên 2000 - 3000m, đồng thời có mức độ chia cắt địa hình lớn, cứ khoảng 1km lại có khe, suối làm cho việc đi lại rất khó khăn.

Sang đến đoạn biên giới thuộc tỉnh Lào Cai, địa hình khá hiểm trở, khu vực này có dãy núi Hoàng Liên Sơn với ngọn cao nhất Phanxipăng cao 3143m, được gọi là nóc nhà của Đông Dương, chọc ra biên giới với hàng loạt đỉnh cao từ 1300 - 2900m.

Tiếp đó là đoạn biên giới tỉnh Hà Giang có cao nguyên Đồng Văn cao từ 1500 - 2300m với nhiều đỉnh cao ở dọc biên giới (có đỉnh trên dưới 2000m).

Đoạn biên giới thuộc tỉnh Cao Bằng tiếp tục là vùng núi non hiểm trở với nhiều núi đá, có những dãy núi cao trên 1000m.

Đoạn biên giới thuộc tỉnh Lạng Sơn, địa hình đã bớt hiểm trở hơn, một phần là những đồi thấp, còn lại là những đỉnh núi cao trung bình từ 300 - 800m, cá biệt có núi Mẫu Sơn cao 1200m.

Cuối cùng, là đoạn biên giới thuộc tỉnh Quảng Ninh với độ cao trung bình là 500m, phía Tây có dãy núi Bắc Cương cao hơn 800m, tiếp đến là vùng đồi núi trọc tương đối thấp tiếp giáp với dải đồng bằng ven biển phía Đông có cửa sông Bắc Luân (Móng Cái).

3. Sông suối

Chảy trên dạng địa hình khá hiểm trở như vậy, hệ thống sông suối nơi đây phần lớn có xu hướng chảy từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Ở thượng nguồn, các con sông thường chảy qua các thung lũng sâu và hẹp vì vậy chúng có độ dốc lớn, nước chảy xiết, nhiều ghềnh thác, ít có giá trị đối với giao thông về đường thủy. Có thể chia hệ thống sông suối chính ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thành 03 loại như sau:

- Loại phát nguyên từ lãnh thổ Trung Quốc chảy qua Việt Nam như lưu vực các con sông thuộc hệ thống sông Hồng, sông Lô, sông Quây Sơn, sông Bắc Vọng.

- Loại phát nguyên từ lãnh thổ Việt Nam chảy sang Trung Quốc như lưu vực sông Kỳ Cùng, sông Bằng Giang.

- Loại phát nguyên từ lãnh thổ hai nước, có dòng chảy chính hoặc dòng nhánh trùng với đường biên giới như một phần của sông Gia Long, sông Bằng Giang, sông Quây Sơn, sông Nho Quế, sông Chảy và một số sông suối khác thuộc sông Đà.

Sông suối biên giới tùy theo mùa và theo từng đoạn, khi thì nước xuống thấp, khi thì nước dâng cao và chảy mạnh, gây bồi lở và đổi dòng dẫn đến việc biến đổi địa hình lòng sông.

4. Tài nguyên thiên nhiên

Về mặt tài nguyên thiên nhiên, trong vành đai biên giới rộng từ 1 đến 5 km tính từ đường biên giới quốc gia trở vào có 13 loại khoáng sản với 29 điểm quặng mỏ đã và đang được nghiên cứu. Khu vực tỉnh Lào Cai có quặng đồng, apatit, graphit; Cao Bằng có quặng bôxít, măng gan, thiếc ... khu vực Lạng Sơn, Hà Giang có quặng titan, cao lanh ... Nhìn chung các mỏ có trữ lượng thấp, ít có triển vọng trở thành mỏ có giá trị khai thác thương mại. Bên cạnh tài nguyên khoáng sản, khu vực biên giới còn có triển vọng về tài nguyên rừng. Tuy nhiên, do sự khai thác không có kế hoạch và tình trạng đốt rừng làm nương rẫy nên diện tích che phủ của rừng bị giảm sút nghiêm trọng. Sự suy giảm về

độ che phủ của thảm thực vật khiến chế độ dòng chảy của các con sông bị biến đổi, hiện tượng xói lở, lũ ống, lũ quét trở nên thường xuyên hơn ảnh hưởng trực tiếp đến vùng dân cư cả khu vực miền núi và đồng bằng.

II. Cơ sở hạ tầng và dân cư

1. Cơ sở hạ tầng

Với địa hình tương đối hiểm trở, phức tạp, độ chia cắt lớn, việc xây dựng cơ sở hạ tầng gặp rất nhiều khó khăn vì vậy hệ thống các đường giao thông nơi đây còn kém phát triển, đường ô tô chủ yếu đến các cửa khẩu, đường vành đai biên giới như Quốc lộ 4B, 4A còn quá xa biên giới, chưa thông tuyến và đã xuống cấp nhiều nhưng chưa được khắc phục. Các đường giao thông liên xã cũng còn khó khăn. Đường đến đường biên, mốc giới rất khó khăn, còn nhiều mìn, vật cản, có nơi phải đi bộ khoảng 3 đến 4 ngày (như huyện Mường Nhé, Điện Biên)...

2. Dân cư

Ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đại bộ phận dân cư là người dân tộc thiểu số, thuộc hơn 20 dân tộc, như: Tày, Nùng, Mông, Dao, Hoa, Lô Lô, Dáy, Hà Nhì, Tu Dí, Phù Lá, Mường, U Ní, Sán Chi, Mãn, Cò, Xung... Dân cư tập trung đông đúc nhất ở vùng đồng bằng ven biển (Móng Cái), ở các thị xã, thị trấn biên giới, dọc các thung lũng lớn như thung lũng sông Hồng, xung quanh thành phố Lào Cai và ven bờ sông, suối lớn. Ngược lại, ở những vùng khác, đặc biệt về phía Tây sông Hồng, mật độ dân cư thấp, nhiều khu vực hẻo lánh không có dân. Do có quá trình phát triển từ lâu đời, trong khu vực biên giới (trừ Điện Biên, Lai Châu), đồng bào các dân tộc sống sát đường biên có quan hệ mật thiết từ lâu đời với dân vùng biên giới của Trung Quốc, thường có quan hệ thân tộc, cùng dòng họ, cùng phong tục, tập quán, tiếng nói.

B. LỊCH SỬ ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC



Lễ ký Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Hà Nội, ngày 30/12/1999

I. Công ước Pháp - Thanh 1887 và 1895

Đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được hình thành qua quá trình lịch sử và tồn tại một cách tương đối ổn định kể từ khi Việt Nam thoát khỏi ách Bắc thuộc từ thế kỷ thứ X. Tạp chí Geographer số 38 của Vụ tình báo và Nghiên cứu Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ngày 29/10/1964 viết: “Sau hơn 10 thế kỷ bị đô hộ, năm 939 Bắc Kỳ phá vỡ ách đô hộ của Trung Quốc và thành lập Vương quốc Đại Cồ Việt...nhà nước mới này đã bảo vệ được nền độc lập của mình...một đường biên

giới gần giống như ngày nay dường như đã tồn tại giữa hai quốc gia cách đây 10 thế kỷ". Tuy nhiên biên giới Việt - Trung mang khái niệm biên giới vùng, chưa phải là đường biên giới được phân giới cắm mốc, đánh dấu bằng một hệ thống mốc giới chính xác.

Công ước 26/6/1887 và Công ước bổ sung 20/6/1895 giữa Chính phủ Pháp (nhân danh Việt Nam) và Triều đình Mãn Thanh Trung Quốc là các văn bản pháp lý đầu tiên xác định biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc. Đường biên giới theo Công ước Pháp - Thanh đã được cụ thể hóa trên thực địa bằng một hệ thống mốc quốc giới (314 mốc) từ Móng Cái đến tận biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào.

Đường biên giới do hai Công ước Pháp - Thanh 1887 và 1895 xác lập cơ bản là dựa trên đường biên giới lịch sử vốn có đã tồn tại từ lâu đời giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc trước khi Pháp xâm lược Việt Nam. Điều đó phản ánh một trong những thành quả lịch sử của cuộc đấu tranh giữ nước và dựng nước hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam.

Tuy nhiên, do việc hoạch định, phân giới và cắm mốc được tiến hành từ hơn 100 năm trước đây với phương tiện và điều kiện thô sơ, nên lời văn và bản đồ về nhiều đoạn biên giới không được đầy đủ, rõ ràng, chính xác. Đường biên giới được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ lớn (1/100.000) với nền địa hình được thể hiện tổng hợp, nhiều nơi rất khác so với địa hình tự nhiên trên thực địa. Việc phân giới, cắm mốc cũng có những hạn chế nhất định: toàn bộ mốc giới không được xác định bằng lưới tọa độ, vị trí mốc giới cũng không được mô tả chính xác. Hơn nữa, trải qua hơn một thế kỷ, nhiều văn bản gốc bị thất lạc, nhiều mốc bị hư hỏng, thậm chí bị mất, một số mốc bị xê dịch so với vị trí vẽ trên bản đồ, địa hình, địa vật cũng có nhiều thay đổi.

Mặc dù vậy, hai Công ước 1887, 1895 đã xác lập được một đường biên giới có tính pháp lý quốc tế duy nhất đầu tiên ở Việt Nam và về cơ bản gần giống với đường biên giới truyền thống vốn có trong lịch sử và đang tồn tại hiện nay.

II. Đường biên giới Việt - Trung thời kỳ 1945 đến trước khi hai nước ký Hiệp ước biên giới trên đất liền 1999

Sau khi ký Công ước 1887 và Công ước bổ sung 1895 đến trước khi Việt Nam giành được độc lập 1945, hai bên Pháp - Thanh chỉ tiến hành các hoạt động kiểm tra, sửa chữa mốc giới hoặc thay đổi một số mốc giới như đã thỏa thuận, cùng nhau duy trì nguyên trạng đường biên giới đúng theo kết quả thực hiện Công ước 1887 và 1895. Các bên không ký thêm một văn bản pháp lý nào liên quan đến việc thay đổi hoặc sửa đổi đường biên giới.

Trong những năm 1950 - 1960, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc là quan hệ hữu nghị vừa là đồng chí vừa là anh em. Đường biên giới Việt - Trung là một đường biên giới hòa bình, hữu nghị. Sau năm 1954, lần đầu tiên nhân dân Việt Nam ở biên giới được sống trong khung cảnh hòa bình và yên tâm sản xuất. Hai bên chủ yếu quản lý đường biên giới theo tập quán và theo các bản đồ của Pháp hoặc Trung Quốc xuất bản trong giai đoạn này.

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, ngày 2/11/1957, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã gửi thư cho Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đề nghị hai bên tôn trọng đường biên giới lịch sử do hai Công ước Pháp - Thanh 1887 và 1895 để lại và giải quyết mọi tranh chấp bằng đàm phán. Bức thư nhấn mạnh: *“Vấn đề quốc giới là một vấn đề quan trọng cần giải quyết theo những nguyên tắc pháp lý đương có hoặc được xác định lại do Chính phủ hai nước quyết định”*. Tháng 4/1958, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trả lời đồng ý với đề nghị của phía Việt Nam, tôn trọng hiện trạng đường biên giới lịch sử được các Công ước 1887 và 1895 xác lập¹. Lập trường này thể hiện sự tôn trọng luật pháp quốc tế, theo đó các Hiệp ước về biên giới không chấm dứt hiệu

¹ Báo Quân đội Nhân dân Việt Nam, ngày 26/2/1999

lực ngay cả khi hoàn cảnh thay đổi². Trung Quốc và Việt Nam đã thừa nhận tính hợp lý của hai Công ước 1887 và 1895. Trên thực tế, trong những năm 1958 - 1959, địa phương hai bên còn tiến hành trao trả cho nhau ruộng đất, rừng cây hỗn canh. Năm 1963, hai bên ký Hiệp định hiệp đồng bảo vệ an ninh khu vực biên giới. Năm 1955 và 1971 ký Hiệp định đường sắt biên giới Việt - Trung.

Sau khi Hiệp định Paris ngày 27/1/1973 về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam được ký kết, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã bắt đầu đặt kế hoạch khôi phục lại đất nước, mà vấn đề đầu tiên là xác định lại đường biên giới.

III. Hiệp ước năm 1999 - cơ sở pháp lý của công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc

Với mục tiêu xác lập đường biên giới rõ ràng giữa hai nước, từ năm 1974 đến 1979, ta và Trung Quốc đã tiến hành 03 lần đàm phán về biên giới lãnh thổ, nhưng không đạt được kết quả do hai bên có lập trường, quan điểm khác xa nhau.

Sau khi bình thường hóa quan hệ, từ tháng 10/1992 hai Bên tiến hành đàm phán lần thứ tư về biên giới lãnh thổ. Sau 01 năm đàm phán, tháng 10/1993 hai bên đã ký Thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ giữa Việt Nam - Trung Quốc, theo đó hai bên đồng ý lấy các Công ước Pháp - Thanh 1887 và 1895 và các văn kiện, bản đồ hoạch định, cắm mốc biên giới kèm theo làm căn cứ để xác định lại đường biên giới Việt - Trung; các khu dân cư hai bên đã sinh sống lâu đời thì duy trì cuộc sống ổn định của dân cư; đối với những đoạn biên giới sông suối thì giải quyết theo nguyên tắc của luật pháp và thực tiễn quốc tế.

² Báo Quân đội Nhân dân Việt Nam, ngày 26/2/1999

1. Kết quả đàm phán

1.1 Thực trạng các khu vực có nhận thức khác nhau

Hai bên đã căn cứ vào các nguyên tắc trên để đàm phán xác định đường biên giới. Kết quả là trong tổng chiều dài gần 1450 km thì nhận thức của hai bên trùng nhau gần 1000 km (chiếm 69% tổng chiều dài đường biên); hai bên có nhận thức khác nhau ở 289 khu vực với tổng chiều dài khoảng 450km (chiếm 31%) với diện tích khoảng 232km², trong đó:

- 74 khu vực khác nhau vì lý do kỹ thuật vẽ chồng lấn lên nhau, được gọi là khu vực A;

- 51 khu vực vì lý do kỹ thuật hai bên đều chưa vẽ tới, gọi là khu vực B;

Các khu vực loại A và B có diện tích không lớn, chỉ khoảng 5km².

- 164 khu vực có tranh chấp, hoặc có nhận thức khác nhau về hướng đi của đường biên giới, gọi là khu vực C (rộng khoảng 227 km²). Các cuộc đàm phán chủ yếu tập trung vào việc xử lý 164 khu vực C này.

1.2. Kết quả đàm phán cụ thể

Hiệp ước 1999 đã ghi nhận toàn bộ hướng đi của đường biên giới từ Tây sang Đông và kết quả giải quyết 289 khu vực có nhận thức khác nhau. Theo đó: khoảng 114,9 km² thuộc Việt Nam; khoảng 117,2km² thuộc Trung Quốc. Chỉ còn bốn (04) khu vực hai bên chưa giải quyết được (ba khu vực ở Cao Bằng, trong đó có khu vực thác Bản Giốc) và khu vực cửa sông Bắc Luân (bản đồ đính kèm Hiệp ước chỉ thể hiện nét đứt). Hai bên thoả thuận sẽ giải quyết các khu vực này trong quá trình phân giới cắm mốc.

Đối với một số ít khu vực dân cư hai bên đã sinh sống lâu đời thì duy trì ổn định cuộc sống của dân cư, kể cả ở khu vực dân cư Việt Nam ở giữa đường biên giới pháp lý.

Các khu vực sông suối được giải quyết theo các nguyên tắc đã nêu ở trên và trong Hiệp ước cũng mới chỉ ghi nguyên tắc, chưa giải quyết cụ thể.

Đối với các pháo đài cũ của Chính quyền Pháp và Nhà Thanh thì của bên nào, thuộc về bên đó. Đối với các điểm cao, giải pháp đạt được là: phù hợp với quy định của Công ước, các điểm cao nằm trong lãnh thổ Việt Nam được trả lại cho Việt Nam, còn đối với các điểm cao nằm trên đường biên giới thì đường biên đi qua chúng, theo luật pháp quốc tế không bên nào được đóng quân trên đường biên giới.

Khu vực cửa khẩu Hữu Nghị (249C) bao gồm cột Km 0, điểm nối ray đường sắt được giải quyết như sau: ở khu vực cửa khẩu, biên giới đi qua cột Km 0; ở khu vực đường sắt, biên giới đi qua phía Bắc điểm nối ray 148m.

Ngày 30/12/1999, tại Hà Nội, thay mặt Nhà nước hai nước, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm và Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Đường Gia Triền đã ký Hiệp ước về biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, đặt nền tảng cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định lâu dài giữa hai nước.

2. Ý nghĩa của Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc 1999

Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa sâu rộng khẳng định trên thực tế nguyên tắc bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia, là sự kiện quan trọng đối với nước ta cũng như quan hệ Việt - Trung và đối với khu vực.

Một là, ta đã giải quyết dứt điểm được một trong ba vấn đề biên giới lãnh thổ tồn tại lâu nay với Trung Quốc. Việc xác định rõ ràng hơn đường biên giới trên đất liền tạo điều kiện quản lý và duy trì ổn định ở vùng biên giới, đất nước có điều kiện tập trung sức lực để xây dựng và phát triển kinh tế.

Hai là, cùng với việc đã ký Hiệp ước về biên giới với Lào, đang tích cực giải quyết nốt một số vấn đề còn lại về biên giới đất liền, việc ký Hiệp ước biên giới trên đất liền với Trung Quốc là một bước tiến mới rất quan trọng trong việc xây dựng môi trường hoà bình, ổn định xung quanh nước ta. Hiệp định này cho thấy quyết tâm và thiện chí của Việt Nam sẵn sàng giải quyết mọi tranh chấp về biên giới lãnh thổ về các vùng biển và thềm lục địa với các nước láng giềng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế.

Ba là, việc ký Hiệp ước tạo thuận lợi để biến biên giới Việt - Trung thành biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, góp phần xây dựng sự tin cậy giữa hai bên, tạo cơ sở cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác mọi mặt với Trung Quốc theo khuôn khổ đã được xác định là "Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai".

Bốn là, trên bình diện quốc tế và khu vực, việc hai nước Việt - Trung ký Hiệp ước về biên giới đất liền cũng góp phần vào việc củng cố hoà bình và ổn định ở khu vực.

Hiệp ước 1999 là sự kiện quan trọng có ý nghĩa to lớn trong lịch sử quan hệ Việt - Trung. Đặc biệt, Hiệp ước 1999 là cơ sở pháp lý cho việc phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

Tuy nhiên, Hiệp ước 1999 mới chỉ xác định đường biên giới bằng lời văn và trên bản đồ. Để thực thi chủ quyền quốc gia, tiến hành bảo vệ và quản lý lãnh thổ trên thực địa, hai bên cần tiến hành phân giới cắm mốc, chuyển đường biên giới từ lời văn trong Hiệp ước và bản đồ ra thực địa, cùng nhau xác định, đánh dấu rõ ràng từng vị trí cột mốc, vạch ra đường biên giới chính xác trên thực địa.

C. QUÁ TRÌNH PHÂN GIỚI CẮM MỐC TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Ngày 23/2/2009, ta và Trung Quốc đã long trọng tổ chức Lễ chào mừng hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tại cửa khẩu Hữu Nghị - Hữu Nghị Quan. Đây là một sự kiện quan trọng không chỉ đối với nước ta và quan hệ Việt - Trung mà còn đối với cả khu vực. Trong tài liệu này, chúng tôi xin giới thiệu khái quát về quá trình và kết quả phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.



Lễ chào mừng hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Lạng Sơn, ngày 23/02/2009

I. Các giai đoạn phân giới, cắm mốc

1. Giai đoạn chuẩn bị

Ngay sau khi ký Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, hai bên đã thành lập Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc; thỏa thuận chia đường biên giới Việt - Trung thành 12 đoạn, giao cho 12 Nhóm liên hợp phối hợp tiến hành công tác phân giới cắm mốc trên thực địa. Về phía ta, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc³ gồm Lãnh đạo một số Bộ, ngành liên quan và Lãnh đạo các tỉnh biên giới Việt - Trung do một đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban; các tỉnh biên giới Việt - Trung thành lập Ban chỉ đạo phân giới cắm mốc Tỉnh do một đồng chí lãnh đạo Tỉnh làm Trưởng ban.

2. Giai đoạn triển khai

Từ năm 2000 đến 2002, hai bên đã thỏa thuận được 12 văn bản pháp lý kỹ thuật làm cơ sở cho công tác phân giới cắm mốc. Tháng 12/2001, hai bên tiến hành cắm cột mốc đầu tiên tại cửa khẩu Móng Cái - Đông Hưng. Từ tháng 10/2002, hai bên đồng loạt triển khai phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới Việt - Trung.

Trong 2 năm 2002 và 2003, hai bên thỏa thuận tiến hành công tác phân giới cắm mốc theo hình thức "cuốn chiếu" từ Tây sang Đông, tức là làm đến đâu dứt điểm đến đó. Trong giai đoạn này, do hai bên còn có nhận thức khác nhau về cách thức triển khai nên công tác phân giới cắm mốc tiến triển rất chậm, hai bên chỉ cắm được 89 cột mốc.

Từ năm 2004 - 2006, hai bên thỏa thuận triển khai công tác phân giới cắm mốc theo phương châm "dễ trước, khó sau".

³ Hiện là Ban Chỉ đạo Nhà nước về phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và các nước láng giềng.

Nhờ đó, công tác phân giới cắm mốc có tiến triển nhanh hơn. Hết năm 2006, hai bên đã xác định được gần 70% vị trí mốc giới. Tuy nhiên, sang đầu năm 2007 tốc độ phân giới cắm mốc chậm lại do các khu vực tồn đọng đều là các khu vực nhạy cảm, có lịch sử tranh chấp lâu đời, đã qua nhiều vòng đàm phán nhưng chưa giải quyết được.

Trước tình hình đó, hai bên đã đưa ra nhiều biện pháp đẩy nhanh tiến độ phân giới cắm mốc, thỏa thuận giải quyết các vấn đề còn tồn đọng theo phương thức "cả gói", trên cơ sở các nguyên tắc:

i) Căn cứ pháp lý Hiệp ước năm 1999 và bản đồ đính kèm.

ii) Giải quyết tất cả các khu vực trong "gói" theo cùng một tiêu chí.

iii) Công bằng, hợp tình, hợp lý; cân bằng về lợi ích, hai bên đều chấp nhận được.

iv) Biên giới đi qua tất cả mốc cũ và các dấu tích lịch sử.

v) Giảm thiểu tối đa tác động đến đời sống dân cư.

Trong quá trình giải quyết cụ thể, hai bên đã nhất trí chia các khu vực tồn đọng thành nhiều "gói", mỗi "gói" giải quyết theo một số tiêu chí nhất định. Hai bên đặc biệt quan tâm đến các gói: "cửa khẩu", "mốc cũ Pháp-Thanh" và gói "thác Bản Giốc và cửa sông Bắc Luân".

Trong suốt 8 năm, hai bên đã cùng nhau cố gắng giải quyết các vấn đề trên thực địa và trong đàm phán trên tinh thần thông cảm và chiếu cố đến mối quan tâm của nhau nhằm tìm ra một giải pháp công bằng, phù hợp với lời văn và tinh thần của Hiệp ước 1999. Hai bên đã tiến hành 13 vòng đàm phán cấp Chính phủ về biên giới lãnh thổ và rất nhiều cuộc gặp hai Trưởng đoàn Đoàn đàm phán Chính phủ về biên giới lãnh thổ; 31 vòng đàm phán cấp Chủ tịch Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc. Riêng trong năm

2008, hai bên đã tiến hành 06 cuộc gặp giữa hai Trưởng đoàn Đoàn đàm phán Chính phủ về biên giới lãnh thổ, 11 vòng đàm phán cấp Chủ tịch Ủy ban liên hợp, vòng ngắn nhất kéo dài 9 ngày, vòng dài nhất kéo dài 23 ngày, phiên họp dài nhất kéo dài liên tục hơn 30 giờ liền.

Đến ngày 31/12/2008, hai bên đã giải quyết dứt điểm toàn bộ các vấn đề còn tồn tại, hoàn thành công tác phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Hai Trưởng đoàn đàm phán cấp Chính phủ về biên giới lãnh thổ đã ra Tuyên bố chung về việc hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc đúng thời hạn như Lãnh đạo cấp cao hai nước đã thỏa thuận.

II. Kết quả phân giới, cắm mốc

Hai bên đã phân giới xong toàn bộ tuyến biên giới Việt - Trung dài **1449,566** km, trong đó có **383,914** km đường biên giới đi theo sông suối; **cắm 1971 cột mốc** (trong đó có **01** mốc ngã ba biên giới Việt Nam - Trung Quốc - Lào, **1548** cột mốc chính; **422** cột mốc phụ). Hệ thống mốc giới này đã được đánh dấu, ghi nhận và mô tả phù hợp với địa hình thực tế một cách khách quan, khoa học, chi tiết. Nếu so sánh với đường biên giới của các nước trên thế giới, đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc được đánh giá là có mức độ cột mốc dày đặc và rõ ràng, được xác định theo phương pháp hiện đại, đảm bảo tính trung thực và bền vững lâu dài.

Kết quả phân giới cắm mốc là thỏa đáng, hợp tình, hợp lý, đáp ứng yêu cầu của cả hai bên, phù hợp với các nguyên tắc cơ bản mà hai bên đã thỏa thuận. Đường biên giới được xác lập trên thực địa về cơ bản theo đúng đường biên giới trong Hiệp ước 1999. Đối với một số nơi, hai bên cùng điều chỉnh theo nguyên tắc cân bằng về lợi ích và diện tích nhằm tạo thuận lợi cho công tác quản lý và không gây xáo trộn đối với cuộc sống của cư dân biên giới.

III. Kết quả giải quyết một số khu vực trọng điểm

Trong các khu vực hai bên có ý kiến khác nhau thì các cửa khẩu, khu vực thác Bản Giốc và cửa sông Bắc Luân v.v... là những khu vực hết sức phức tạp và nhạy cảm đối với dư luận hai nước và quốc tế. Đây là những khu vực hai bên đã đàm phán qua rất nhiều vòng và đến những phút cuối cùng mới đạt tới giải pháp hai bên cùng chấp nhận được. Cụ thể là:

1. Khu vực cửa khẩu

- *Tại cửa khẩu Hữu Nghị*, đường biên giới đi qua Km0, mốc 19 cũ của Pháp và cách điểm nối ray 148 mét về phía Bắc, đúng theo bản Ghi nhận chung giải quyết các khu vực C;

- *Tại một số cửa khẩu khác*, đường biên giới đều đi qua các mốc cũ từ thời Pháp - Thanh: *tại cửa khẩu Chi Ma*, đường biên giới đi qua mốc cũ số 44; *tại cửa khẩu Tân Thanh*, đường biên giới đi theo một đường thẳng qua mốc cũ số 15; *tại cửa khẩu Pò Peo*, đường biên giới đi theo bức tường đá qua mốc cũ số 72 và qua một chòi quan sát của Trung Quốc trên đỉnh núi; *tại cửa khẩu Trà Lĩnh* đường biên giới đi theo phía Nam con đường của Trung Quốc; Trung Quốc giữ lại hàng cây, ta giữ được hầu hết đất canh tác, nguồn nước và khu nghĩa địa của dân.

- *Tại khu vực Hoàn Mô*, đường biên giới đi giữa ngàm Hoàn Mô theo như thực tế quản lý.

2. Khu vực dân cư

Đối với hai khu dân cư tại Hà Giang và Lạng Sơn, trên cơ sở giảm thiểu tối đa tác động đến khu dân cư, hai bên đã nhất trí điều chỉnh đường biên giới trên cơ sở cân bằng diện tích, giữ nguyên trạng khu dân cư. Cụ thể ta giữ được nguyên trạng toàn bộ bản Ma Lý Sán ở Hà Giang gồm 13 hộ, 65 khẩu; Trung Quốc giữ được 13 nóc nhà (tiếp giáp địa bàn tỉnh Lạng Sơn).

3. Khu vực Thác Bản Giốc và Cửa sông Bắc Luân

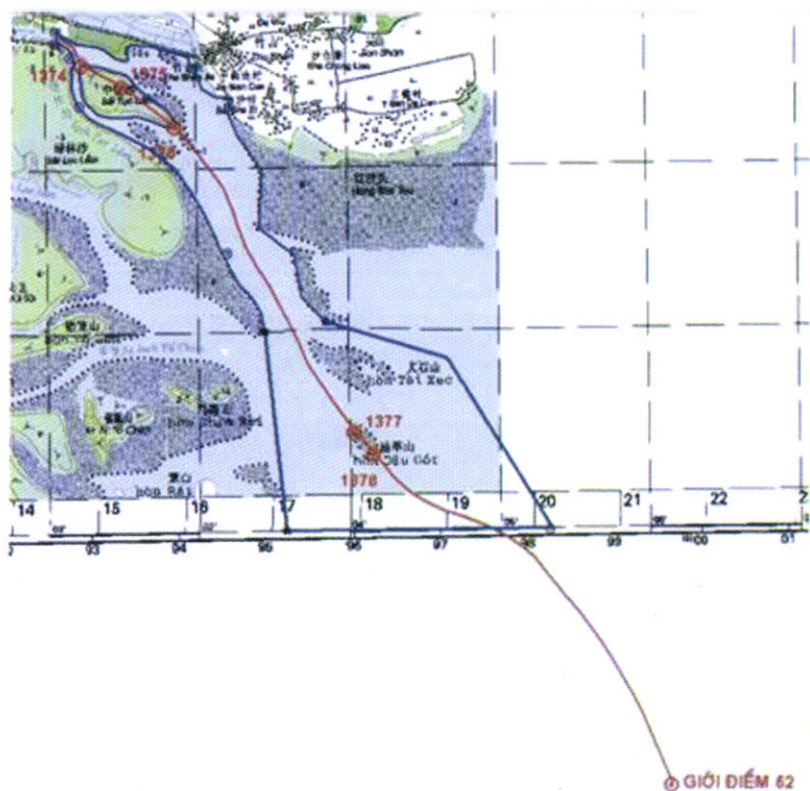
Khu vực thác Bản Giốc và cửa sông Bắc Luân, hai bên đã đi đến giải pháp tổng thể. Theo đó, *tại khu vực thác Bản Giốc*, đường biên giới đi từ mốc 53 cũ qua cồn Pò Thoong đến điểm giữa mặt thác chính (phần thác phụ và 1/2 thác chính, 1/4 cồn Pò Thoong quy thuộc Việt Nam, ta giữ lại dấu tích trạm thủy văn xây dựng từ những năm 1960 trên cồn Pò Thoong). Hai bên thoả thuận sẽ bàn bạc việc hợp tác phát triển tiềm năng du lịch tại thác Bản Giốc. *Tại khu vực cửa sông Bắc Luân*, đường biên giới đi trên bãi Tục Lãm và bãi Dậu Gót (3/4 bãi Tục Lãm và 1/3 bãi Dậu Gót thuộc Việt Nam; 1/4 bãi Tục Lãm và 2/3 bãi Dậu Gót thuộc phía Trung Quốc). Hai bên thoả thuận không xây dựng công trình nhân tạo tại các khu vực thác Bản Giốc, bãi Tục Lãm, hòn Tài Xẹc, bãi Dậu Gót; đồng thời nhất trí thiết lập khu giao thông thủy tự do cho dân địa phương hai bên sử dụng luồng hai bên bãi Tục Lãm và bãi Dậu Gót.



ad

phm

Kết quả phân chia khu vực thác Bản Giốc



ad

pho

Kết quả phân chia khu vực cửa sông Bắc Luân

Như vậy, kết quả giải quyết các khu vực nhạy cảm nói trên là công bằng, tuân theo đúng các nguyên tắc mà hai bên đã thỏa thuận cũng như những quy định của Hiệp ước 1999, đáp ứng được mối quan tâm của cả hai bên, đảm bảo cho việc quản lý ổn định, lâu dài và tránh những tranh chấp có thể xảy ra trong tương lai. Kết quả này là hợp lý, thoả đáng và hai bên cùng chấp nhận được, hoàn toàn không có chuyện ta bị "mất đất" như một số thế lực thù địch cố tình xuyên tạc.

IV. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phân giới cắm mốc

Phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc là một công trình trọng điểm quốc gia, nội dung liên quan đến nhiều ngành chuyên ngành kỹ thuật, pháp lý, quản lý, bảo vệ ... của các Bộ, ngành ở Trung ương và 7 tỉnh địa phương biên giới. Trong quá trình triển khai vừa có những thuận lợi, vừa có những khó khăn.

1. Thuận lợi

- Công tác phân giới cắm mốc nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước hai nước. Về phía ta, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ đã triệu tập nhiều cuộc họp để nghe báo cáo tình hình và cho ý kiến chỉ đạo các cuộc đàm phán. Nhiều đồng chí Lãnh đạo cấp cao đã trực tiếp lên khảo sát thực địa nhiều lần để nắm tình hình và động viên các lực lượng phân giới cắm mốc.

- Các lực lượng phân giới cắm mốc giữa ta và Trung Quốc đã có sự phối hợp tương đối tốt. Hai bên đều cố gắng tạo điều kiện thuận lợi cho các Nhóm phân giới cắm mốc của mỗi bên triển khai công tác trên thực địa như cho mượn đường ở những nơi một bên có khó khăn về giao thông; đơn giản hóa các thủ tục xuất nhập cảnh cho người và phương tiện tham gia công tác phân giới cắm mốc....

- Các Bộ, ngành và địa phương liên quan của ta đều nhận thức rõ và có ý thức trách nhiệm rất cao đối với công việc được giao; đã luôn phối hợp nhịp nhàng để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ phân giới cắm mốc. Đặc biệt, trong quá trình công tác tại thực địa, các Nhóm công tác phân giới cắm mốc đã nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân, chính quyền địa phương các khu vực biên giới và của các Đoàn Biên phòng đóng trên địa bàn. Công tác phân giới cắm mốc còn nhận được sự quan tâm, động viên của đồng bào trong và ngoài nước. Đây là chỗ dựa, là sự động viên tinh thần cực kỳ quan trọng giúp cho các Đoàn đàm phán về biên giới lãnh thổ và những Nhóm phân giới cắm mốc vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử trọng đại mà Đảng, Chính phủ và nhân dân giao phó.

2. Khó khăn

- Thực tiễn quốc tế cho thấy không có văn bản nào có thể mô tả chi tiết đường biên giới cũng như các yếu tố liên quan đến đường biên. Với việc ký kết Hiệp ước năm 1999, đường biên giới mới chỉ được mô tả bằng lời văn trong Hiệp ước và được vẽ trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000. Đường biên giới trên bản đồ là một nét bút mực, khi chuyển ra thực địa có thể sai lệch hàng chục, thậm chí hàng trăm mét. Do vậy, để phân giới cắm mốc chính xác là việc làm hết sức khó khăn. Trong một số trường hợp, sự không thống nhất giữa lời văn Hiệp ước, bản đồ đính kèm và thực địa dẫn đến việc không thống nhất được hướng đi của đường biên giới; do đó đã tạo ra các khu vực tồn đọng, ảnh hưởng đến việc hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc.

- Biên giới Việt - Trung có đặc điểm rất ít thấy trong những đường biên giới giữa các nước. Đó là, tại các khu vực biên giới, cư dân biên giới hai nước sinh sống và canh tác đan xen qua nhiều thế hệ. Ở một số nơi, cư dân biên giới lại có quan hệ dòng tộc lâu đời, việc qua lại thăm thân, làm ăn diễn ra tương đối thường xuyên. Có những khu vực bên này quản lý quá sang bên kia và ngược lại. Số mộ chí mai táng sang nhau khá lớn.

- Công tác phân giới cắm mốc trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc chủ yếu được thực hiện ở những nơi có điều kiện địa hình hết sức phức tạp, độ chia cắt lớn (núi cao, đèo dốc hiểm trở), điều kiện khí hậu, thời tiết hết sức khắc nghiệt (rừng thiêng nước độc; mưa; lũ quét; lũ ống...vv), cơ sở hạ tầng yếu kém (nhiều nơi không có đường giao thông; xa khu dân cư). Có những nơi, Nhóm phân giới cắm mốc phải đi bộ 3 - 4 ngày mới vào được khu vực đóng trại để thực hiện công tác song phương; các cột mốc (mốc đại nặng tới 950 kg, mốc trung nặng 500 kg và mốc tiểu nặng 300 kg), vật liệu xây dựng, lương thực, máy móc thiết bị ... phần lớn đều phải vận chuyển bằng sức người đến vị trí mốc giới.

- Phân giới cắm mốc đối với ta là công việc tương đối mới mẻ, chưa có kinh nghiệm nên phải vừa làm vừa học. Hơn thế nữa, tại nhiều khu vực biên giới vẫn còn bom mìn, vật cản từ thời chiến tranh để lại. Vì vậy, trong 8 năm phân giới cắm mốc, đã có 3 đồng chí hy sinh, 35 đồng chí bị thương vì bom, mìn; 01 đồng chí hy sinh, 02 đồng chí bị thương do tai nạn trên đường biên.

V. Ý nghĩa của việc hoàn thành công tác phân giới cắm mốc

Việc hoàn thành toàn bộ công tác phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc là sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Lần đầu tiên trong lịch sử, hai nước xác định được một đường biên giới rõ ràng trên đất liền với một hệ thống mốc giới hiện đại, đặt nền tảng vững chắc cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài, hợp tác và phát triển giữa hai nước, mở ra một trang mới trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc.

Một là, cùng với việc ký Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ ngày 25/12/2000, với việc hoàn thành phân giới cắm mốc đường biên giới trên đất liền, ta đã giải quyết dứt điểm được hai trong ba vấn đề lớn do lịch sử để lại trong quan hệ Việt - Trung. Điều này chứng tỏ hai Đảng

Cộng sản, hai Nhà nước Xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có đủ khả năng để giải quyết mọi bất đồng bằng biện pháp hòa bình; thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị và toàn diện giữa hai nước.

Hai là, việc hoàn thành phân giới cắm mốc, xác định rõ ràng một đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc tạo cơ sở để các ngành chức năng tiến hành quản lý biên giới một cách hiệu quả, ngăn ngừa hiện tượng xâm canh, xâm cư do thiếu hiểu biết về đường biên giới; mở ra cơ hội mới cho công cuộc phát triển của mỗi nước, đặc biệt là tạo điều kiện cho các địa phương biên giới hai bên mở rộng hợp tác, phát triển kinh tế, tăng cường giao lưu hữu nghị.

Ba là, việc hoàn thành phân giới cắm mốc, đưa Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc vào cuộc sống theo đúng Thỏa thuận giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước là biểu hiện sinh động của mối quan hệ "***đối tác, hợp tác chiến lược toàn diện***" Việt Nam - Trung Quốc, góp phần gia tăng sự tin cậy giữa hai bên, tạo động lực mới thúc đẩy quan hệ Việt - Trung phát triển mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn.

Bốn là, việc hoàn thành phân giới cắm mốc thể hiện rõ quyết tâm của hai Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam và Trung Quốc trong việc giải quyết bằng thương lượng hoà bình tất cả các vấn đề biên giới lãnh thổ còn tồn đọng trong quan hệ hai nước.

Năm là, trên bình diện quốc tế và khu vực, việc hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc là sự đóng góp thiết thực đối với hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực, góp phần khẳng định các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế: giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ bằng thương lượng hoà bình; không sử dụng vũ lực, hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong giải quyết tranh chấp quốc tế.

D. QUÁ TRÌNH ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT CÁC VĂN KIỆN SAU PHÂN GIỚI CẮM MỐC

Ngày 18 tháng 11 năm 2009 tại Bắc Kinh, Thứ trưởng Ngoại giao Hồ Xuân Sơn đại diện Chính phủ Việt Nam và Thứ trưởng Ngoại giao Vũ Đại Vĩ đại diện Chính phủ Trung Quốc đã ký Nghị định thư phân giới cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Với việc ký kết Nghị định thư phân giới cắm mốc đánh dấu sự kết thúc toàn bộ công tác phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Nghị định thư phân giới cắm mốc và bản đồ đính kèm thể hiện thành quả phân giới cắm mốc sẽ là văn bản pháp lý thể hiện chi tiết hướng đi của đường biên giới, vị trí mốc giới và trở thành văn kiện đính kèm Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc năm 1999. Sau đây chúng tôi xin trình bày một số nét lớn về quá trình đàm phán ký kết các văn kiện sau phân giới cắm mốc.

I. Ngay sau khi hoàn thành phân giới cắm mốc, từ đầu năm 2009 Việt Nam và Trung Quốc đã tiến hành đàm phán 3 văn kiện:

Nghị định thư phân giới cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền và Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Trong đó, hai bên tập trung trao đổi về nội dung Nghị định thư (mô tả hướng đi của đường biên giới, thể hiện đường biên giới và mốc giới trên bản đồ, sơ đồ...), nội dung Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và nội dung Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc.

Sau 10 tháng với sự nỗ lực chung của hai bên, ngày 18/11/2009, tại Bắc Kinh, hai bên đã chính thức ký 3 văn kiện nêu trên, chính thức khép lại quá trình giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. Với việc ký kết Nghị định



Lễ ký 3 văn kiện Nghị định thư phân giới cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới, Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Bắc Kinh, ngày 18/11/2009

thư phân giới cắm mốc, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu, hai bên Việt Nam - Trung Quốc đã hoàn thành trọn vẹn việc giải quyết vấn đề biên giới trên đất liền Việt - Trung.

II. Một số nét về 3 văn kiện liên quan đến biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc

1. Nghị định thư phân giới cắm mốc là văn kiện dày 450 trang với trên 2200 trang Phụ lục kèm theo bao gồm: bộ bản đồ địa hình khu vực biên giới Việt - Trung; tập “Bảng đăng ký mốc giới”, tập “Bảng tọa độ, độ cao mốc giới” và tập “Bảng quy thuộc các cồn, bãi trên sông suối biên giới”. Nghị định thư mô tả chi tiết hướng đi của toàn bộ đường biên giới, các chi tiết tọa độ cũng như độ cao của từng cột mốc trên biên giới đất liền Việt Nam - Trung

Quốc. Mỗi đoạn biên giới và mỗi mốc giới có 1 bộ hồ sơ riêng bao gồm lời văn mô tả, sơ đồ tọa độ và bản đồ.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam - Trung Quốc từng đoạn biên giới, từng cột mốc biên giới giữa hai nước được thể hiện một cách rõ ràng nhất không chỉ bằng lời văn mà cả trên các sơ đồ và bản đồ, giúp cho mỗi người dân đều có thể dễ dàng nhận biết được đường biên giới. Trên cơ sở của Nghị định thu phân giới cắm mốc ta có thể áp dụng những phương pháp quản lý hiện đại, kể cả áp dụng kỹ thuật số trong công tác quản lý biên giới, tạo điều kiện cho các cán bộ trực tiếp làm công tác biên giới thực thi nhiệm vụ của mình một cách hiệu quả nhất.

2. Hiệp định về quy chế quản lý biên giới quy định rõ những nội dung công việc cụ thể của các ngành chức năng trong việc quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng, nguồn nước sông suối biên giới; các quy định về sự qua lại biên giới của người, phương tiện và hàng hoá; quy chế phối hợp trong việc duy trì, bảo đảm an ninh, trật tự trên vùng biên giới. Kèm theo Hiệp định còn có 18 Phụ lục quy định về các loại mẫu giấy tờ trao đổi giữa hai bên trong quá trình xử lý các công việc trên vùng biên giới hai nước.

Hiệp định về quy chế quản lý biên giới sẽ thay thế Hiệp định tạm thời về giải quyết các công việc trên vùng biên giới Việt - Trung ký giữa Chính phủ hai nước năm 1991. Hiệp định quản lý biên giới vừa ký đã bổ sung nhiều nội dung chi tiết hơn, đồng thời nêu ra các nguyên tắc và biện pháp cụ thể trong việc giải quyết từng vấn đề liên quan đến biên giới trên đất liền Việt - Trung, kể cả những vấn đề nảy sinh như: các biện pháp giải quyết vấn đề xuất nhập cảnh trái phép; các nguyên tắc về xây dựng các công trình ở vùng nước biên giới, vùng biên giới hay sửa chữa, khôi phục mốc giới...). Hiệp định quy định, hai bên thoả thuận thành lập Ủy ban liên hợp biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc để phối hợp, đôn đốc, giám sát việc triển khai công tác quản lý biên giới; thoả thuận mỗi bên cử 8 người Đại diện phụ trách công tác quản lý ở từng đoạn biên giới... Đây là nội dung hoàn toàn mới so với Hiệp định tạm thời 1991.

3. Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu:

trước đây, nội dung các vấn đề liên quan đến cửa khẩu được nêu trong Hiệp định tạm thời về giải quyết các công việc trên vùng biên giới ký năm 1991. Nay, để tạo thuận lợi cho việc quản lý và xử lý các công việc liên quan đến sự qua lại tại các cửa khẩu giữa hai nước, ta và Trung Quốc đã xây dựng một Hiệp định riêng về các vấn đề liên quan đến cửa khẩu trên biên giới Việt - Trung. Điều này phù hợp với luật pháp quốc tế cũng như thực tiễn và thông lệ quốc tế hiện nay.

Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu quy định danh mục 09 cặp cửa khẩu đã mở và 13 cặp cửa khẩu dự kiến sẽ mở trong tương lai; quy định về thời gian làm việc của các cặp cửa khẩu, việc người, phương tiện và hàng hoá qua lại cửa khẩu trên biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc; quy định về quy trình, thủ tục mở các cặp cửa khẩu mới.

Tóm lại, 03 văn kiện nêu trên cùng với Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc năm 1999 là bộ hồ sơ hoàn chỉnh nhất về đường biên giới trên đất liền Việt - Trung. Với bộ hồ sơ này, đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc đã được xác định rõ ràng, chính xác và thuận tiện cho công tác quản lý. Bộ hồ sơ này là cơ sở để xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài trên biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, tạo thuận lợi cho công tác quản lý đường biên, mốc giới giữa hai nước.

Việc hoàn thành 3 văn kiện trước thời hạn hơn 1 tháng là kết quả của sự nỗ lực chung của cả hai bên, là đóng góp thiết thực kỷ niệm 10 năm ngày ký Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ Ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc và là sự kiện mở đầu cho “Năm Hữu nghị Việt - Trung 2010”. Ngày 14/7/2010, tại khu vực cửa khẩu Thanh Thủy (Hà Giang, Việt Nam) - Thiên Bảo (Vân Nam, Trung Quốc), hai Bên đã tổ chức Lễ công bố 3 văn kiện Biên giới trên đất liền chính thức có hiệu lực, đưa Hiệp định biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc 1999 và đường Biên giới mới đi vào cuộc sống.

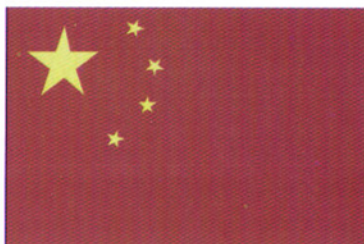
E. QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC HIỆN NAY

Kể từ khi bình thường hoá quan hệ năm 1991 đến nay, quan hệ hữu nghị và hợp tác Việt - Trung phát triển nhanh chóng và sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực, đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Đến nay, hai nước đã ký nhiều Hiệp định cấp Chính phủ và các văn kiện hợp tác khác, đặt cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác lâu dài giữa hai nước. Trao đổi đoàn ở Trung ương và địa phương ngày càng tăng, hàng năm hai bên trao đổi hàng trăm đoàn ở cấp Lãnh đạo các bộ, ngành và địa phương, đoàn thể quần chúng, góp phần tăng cường hiểu biết và mở rộng hợp tác giữa hai nước.



Quốc kỳ nước CHXNCN

Việt Nam



Quốc kỳ nước CHND

Trung Hoa

I. Quan hệ chính trị

Các cuộc gặp gỡ giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước diễn ra thường xuyên, tạo động lực mới thúc đẩy quan hệ Việt - Trung phát triển mạnh mẽ. Trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu tháng 2/1999, Lãnh đạo cấp cao hai nước đã xác định phương châm 16 chữ thúc đẩy quan hệ hai nước trong thế kỷ 21 là "*láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai*". dịp Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Trung Quốc tháng 12/2000, hai bên đã ký Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới, cụ thể hoá phương châm 16 chữ đó thành những biện pháp cụ thể phát triển quan hệ hai nước trên tất cả các lĩnh vực. Hai bên cũng đã thoả thuận đưa hai nước trở thành "*láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt*". Đặc

biệt, trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tháng 5/2008, hai bên nhất trí phát triển “quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện” theo phương châm 16 chữ và tinh thần 4 tốt, đồng thời nhất trí thiết lập đường dây nóng giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước tạo cơ sở cho quan hệ hai nước phát triển ổn định, lâu dài trong thời gian tới. Trong các chuyến thăm, Lãnh đạo cấp cao hai nước nhấn mạnh tình hữu nghị Việt - Trung là tài sản quý báu của nhân dân hai nước, cần được hết sức giữ gìn và không ngừng vun đắp; khẳng định sẽ làm hết sức mình để đưa quan hệ đó ngày càng sâu sắc hơn, tin cậy hơn, cùng ủng hộ lẫn nhau trong sự nghiệp đổi mới, cải cách mở cửa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Năm 2010, Việt Nam và Trung Quốc kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ Ngoại giao hai nước. Hai bên thỏa thuận lấy năm 2010 là “Năm Hữu nghị Việt - Trung”, cùng nhau tổ chức nhiều hoạt động giao lưu hữu nghị ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương và các đoàn thể xã hội quần chúng, góp phần gia tăng sự tin cậy và hiểu biết giữa nhân dân hai nước.

Tháng 11/2006, hai bên thành lập Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc ở cấp Lãnh đạo Chính phủ (phía Ta là Phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm, phía Trung Quốc là Ủy viên Quốc vụ viện Đới Bình Quốc) và tiến hành các phiên họp thường niên để rà soát lại việc thực hiện chương trình kế hoạch hợp tác giữa hai nước và đề ra phương hướng thúc đẩy quan hệ hợp tác. Phiên họp lần thứ 4 Ủy ban chỉ đạo hợp tác song phương Việt Nam - Trung Quốc diễn ra tại Bắc Kinh từ 30/6 - 2/7/2010.

Hợp tác giữa hai Đảng được đẩy mạnh. Hai bên duy trì trao đổi đoàn và thiết lập cơ chế hợp tác, giao lưu giữa các Ban Đảng: Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Ban Tuyên truyền Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Ban liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã ký thoả thuận hợp tác. Từ cuối năm 2007, phía Trung Quốc khôi phục lại việc

bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cao cấp và trung cấp cho ta. Hai bên đã tổ chức 5 cuộc hội thảo về lý luận, kinh nghiệm xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, về đổi mới, cải cách mở cửa, hội nhập quốc tế.

Giao lưu giữa thế hệ trẻ 2 nước được tăng cường. Từ năm 2001, các cuộc “Gặp gỡ hữu nghị thanh niên Việt Nam - Trung Quốc” diễn ra hàng năm. Đến nay đã có 9 cuộc giao lưu hữu nghị giữa thế hệ trẻ hai nước. Nhân kỷ niệm 60 năm quan hệ Việt - Trung và Năm hữu nghị Việt - Trung, tháng 8/2010, hai bên đã tổ chức đại liên hoan thanh niên Việt Nam - Trung Quốc tại Quảng Tây - Trung Quốc với sự tham gia của 30 nghìn thanh niên hai nước (có 3000 thanh niên Việt Nam tham gia).

Quan hệ giữa các ngành quan trọng như ngoại giao, an ninh, quốc phòng được tiếp tục tăng cường với việc ký các Thỏa thuận hợp tác giữa hai Bộ Ngoại giao (12/2002), hai Bộ Công an (9/2003), hai Bộ Quốc phòng (10/2003); Thỏa thuận hợp tác giữa ngành An ninh hai nước (3/2005); Thỏa thuận hợp tác biên phòng (8/2007) và Thỏa thuận về hợp tác giữa hai Tổng cục Chính trị Bộ Quốc phòng hai nước (12/2007). Đặc biệt, thời gian qua, việc trao đổi đoàn các cấp giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Công an hai nước diễn ra thường xuyên (Lãnh đạo Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Tư lệnh Hải quân hai nước); Tàu hải quân hai nước ghé thăm cảng của nhau; Hải quân hai nước tiến hành tuần tra chung ở Vịnh Bắc Bộ.

Ta và Trung Quốc cũng đã có sự phối hợp chặt chẽ và trao đổi thông nhất lập trường trên nhiều vấn đề quốc tế, khu vực tại các Tổ chức và diễn đàn quốc tế như Liên hợp quốc, APEC, ASEAN, diễn đàn ASEAN - Trung Quốc, ARF và diễn đàn Đông Á...

Quan hệ giữa các địa phương hai bên cũng được tăng cường với nhiều hình thức đa dạng và thiết thực như trao đổi đoàn các cấp, ký kết các văn bản hợp tác, cùng nhau tổ chức hội thảo, triển lãm...

Lãnh đạo Việt Nam nhiều lần thăm các địa phương phía Nam của Trung Quốc như Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam,

Hải Nam ... Lãnh đạo các địa phương phía Nam của Trung Quốc cũng liên tục sang thăm Việt Nam nhằm thúc đẩy giao lưu hợp tác kinh tế. Năm 2009, lần đầu tiên hai bên đã tổ chức Liên hoan hữu nghị nhân dân biên giới Việt - Trung góp phần gia tăng sự gắn bó giữa hai bên.

Nhằm thúc đẩy hợp tác giữa hai bên biên giới, từ năm 2007, các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh đã cùng với Quảng Tây - Trung Quốc thành lập Ủy ban công tác liên hợp; các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang đã cùng với Vân Nam - Trung Quốc thiết lập Ủy ban công tác liên hợp. Ủy ban liên hợp công tác giữa các địa phương biên giới hai nước đã tiến hành các phiên họp thường niên để bàn biện pháp tăng cường hợp tác trên tất cả các lĩnh vực. Trong khuôn khổ hợp tác “hai hành lang, một vành đai kinh tế”, hai bên đã tiến hành Hội nghị lần thứ 5 về hợp tác kinh tế giữa Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lào Cai với Vân Nam - Trung Quốc (11/2009) tại Hà Nội.

Hiện nay ta có các Tổng Lãnh sự quán tại Quảng Châu, Nam Ninh, Côn Minh, Hồng Kông và Văn phòng Lãnh sự tại Thượng Hải trực thuộc Đại sứ quán ta tại Bắc Kinh (sắp tới sẽ nâng lên thành Tổng Lãnh sự quán)

II. Quan hệ kinh tế thương mại

1. Về thương mại

Từ năm 2004 đến nay, Trung Quốc liên tục là bạn hàng thương mại hàng đầu của Việt Nam. Năm 2009, kim ngạch mậu dịch hai nước đạt trên 21 tỷ USD. Tốc độ tăng trưởng của kim ngạch buôn bán hai nước tăng bình quân khoảng 20% mỗi năm. Hai bên đang nỗ lực phấn đấu đưa kim ngạch thương mại song phương lên 25 tỷ USD trong năm 2010. Tuy nhiên, trong thương mại hai nước tồn tại vấn đề nhập siêu lớn của Việt Nam do cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của ta sang Trung Quốc chủ yếu là nông sản, thủy sản, hoa quả và một số nguyên liệu như dầu thô, cao su, gỗ... còn các mặt hàng ta nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, phân bón, thuốc trừ sâu...

Trong các cuộc gặp giữa Lãnh đạo cấp cao hai nước hai bên đã nhất trí cùng triển khai các biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu duy trì đà tăng trưởng kim ngạch song phương đi đôi với cải thiện cán cân thương mại. Hai bên đã ký kết Hiệp định kiểm dịch động vật và Hiệp định kiểm dịch thực vật và đang trao đổi để sớm ký kết “Quy hoạch 5 năm phát triển kinh tế thương mại Việt - Trung”.

2. Về hợp tác đầu tư

Quan hệ hợp tác đầu tư giữa hai nước không ngừng gia tăng trong những năm gần đây, nhiều tập đoàn lớn của Trung Quốc bày tỏ mong muốn đầu tư vào Việt Nam. Đến 30/4/2010, Trung Quốc có 718 dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, tổng vốn đăng ký đạt 2,96 tỷ USD, đứng thứ 14/91 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam.

Trong những năm qua, Trung Quốc đã không ngừng tăng qui mô tín dụng ưu đãi dành cho Việt Nam. Hiện hai bên đang triển khai một số dự án hợp tác kinh tế lớn như Dự án xây dựng nhà máy khai thác và tuyển luyện đồng tại Sin Quyền; gang thép Thái Nguyên; nhà máy phân đạm Hà Bắc; Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh I, II; Dự án thông tin tín hiệu đường sắt các tuyến Hà Nội - Đồng Đăng, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Lào Cai và khu đầu mối Hà Nội; Dự án hiện đại hoá hệ thống thông tin tín hiệu đường sắt đoạn Vinh - thành phố Hồ Chí Minh, Nhà máy sản xuất phân đạm từ than cám Ninh Bình...; Dự án viễn thông nông thôn; Dự án đường sắt đô thị tuyến Hà Nội - Hà Đông... Nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đã trúng thầu các Dự án lớn ở Việt Nam (như Hợp đồng EPC, xây dựng nhà máy Alumin thuộc Dự án Tổ hợp Bôxít nhôm Lâm Đồng; nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh ...). Hai bên cũng nhất trí tăng cường thúc đẩy các doanh nghiệp của hai nước hợp tác lâu dài cùng có lợi trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, công nghiệp chế tạo, phát triển nguồn nhân lực, năng lượng, chế biến khoáng sản và các lĩnh vực quan trọng khác, tăng cường hợp tác trong các dự án trong khuôn khổ “hai hành lang, một vành đai kinh tế” và các dự án lớn khác. Ngoài tín dụng

ur ấi, Chính phủ Trung Quốc còn hỗ trợ Việt Nam nhiều khoản viện trợ không hoàn lại dùng vào việc tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát kinh nghiệm phát triển kinh tế xã hội ở Trung Quốc; giao lưu thanh thiếu niên; đầu tư trang thiết bị cho một số bệnh viện tại Việt Nam; xây dựng khu nhà ở Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Cung Hữu nghị Việt - Trung.

III. Quan hệ hợp tác giáo dục, văn hoá, thể thao và du lịch

Trong những năm qua, quan hệ trao đổi, hợp tác giữa ta với Trung Quốc trong các lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Văn hoá - Thể thao được đẩy mạnh.

Hàng năm, Trung Quốc cung cấp và duy trì số lượng 130 học bổng dài hạn và 10 học bổng thực tập sinh ngắn hạn cho Việt Nam. Trong những năm gần đây, số lượng lưu học sinh Việt Nam sang du học ở Trung Quốc tăng nhanh. Hiện có khoảng 12.000 lưu học sinh ta đang học tại các trường đại học của Trung Quốc với những ngành nghề đa dạng. Trung Quốc hiện nay có khoảng trên 2000 người đang du học tại Việt Nam, chủ yếu tập trung vào các ngành tiếng Việt, du lịch và kinh doanh.

Hai bên thực hiện tốt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Văn hoá năm 2007 - 2009 giữa hai Chính phủ và phối hợp hoạt động trong khuôn khổ ASEAN + Trung Quốc. Hai bên trao đổi nhiều đoàn biểu diễn nghệ thuật, tổ chức nhiều cuộc giao lưu văn hoá, thể thao, góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Trung Quốc luôn dành ưu đãi trong việc huấn luyện cho các vận động viên và các đoàn thể thao của ta sang nghiên cứu, học tập và tập huấn tại Trung Quốc, chi phí thấp nhưng hiệu quả cao.

Về hợp tác du lịch: Trung Quốc là thị trường nguồn du lịch lớn nhất của Việt Nam. Năm 2009 có 527.610 lượt, 5 tháng đầu năm 2010 có hơn 365 nghìn lượt khách Trung Quốc đi du lịch Việt Nam. Hiện nay, Trung Quốc có hơn 47 dự án với tổng số vốn đăng ký 650 triệu USD đầu tư trong lĩnh vực lữ hành, khách sạn, nhà hàng, sân golf.../.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
VỤ TUYÊN TRUYỀN, THÔNG TIN VÀ TƯ LIỆU

In 2000 cuốn khổ 14.5 x 20.5 cm, tại Công ty Sản xuất Thương mại Hà Nội
GPXB số 78/GP-CXB, cấp ngày 26/7/2010 của Cục Xuất Bản.
In xong nộp lưu chiểu Quý 4/2010.